Journal of educational equipment: Applied research, Volume 2, Issue 303 (December 2023)
ISSN 1859 - 0810

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập môn Cầu lông cho sinh viên Trường Cao đẳng Thái Nguyên

Đoàn Văn Hiển*, Cao Việt Bắc*

**ThS. Trường CĐ Thái Nguyên*
Received:29/11/2023; Accepted:1/12/2023; Published:5/12/2023

Abstract: *On the basis of studying the current situation of examination, assessment of learning results, reference materials, the study was conducted to select contents to evaluate learning outcomes of badminton for students of Thai Nguyen College. At the same time, developing standards, scoreboards, and testing the effectiveness of assessment standards, through practice. As a result, the study has developed content to evaluate the content of the learning outcomes of badminton for students of the University.*

Keywords: *Reality, assessment test, badminton, Thai Nguyen College.*

1. Đặt vấn đề

Kiểm tra đánh giá (KTĐG) là chất xúc tác tạo ra sự thay đổi cho người học, giúp sinh viên (SV) tự xác định được bản thân mình và là động lực thúc đẩy quá trình học tập của bản thân, đồng thời góp phần cải tiến chất lượng giảng dạy của giáo viên (GV).

Thực tế ở các trường cao đẳng hiện nay vẫn tồn tại mâu thuẫn gay gắt giữa yêu cầu KTĐG khách quan với khả năng chủ quan của GV, giữa yêu cầu giảng dạy với khả năng của SV, giữa năng lực SV với thực tiễn cuộc sống. Đối với công tác KTĐG kết quả học tập môn Cầu lông cũng vậy, trong quá trình giảng dạy việc xác định mức độ yêu cầu lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, các kỹ thuật động tác của SV còn chưa được chuẩn hoá, chưa thực sự khoa học. Vấn đề đặt ra là phải lựa chọn được các nội dung, xây dựng chỉ tiêu KTĐG kết quả học tập cho SV một cách chính xác, khách quan, đảm bảo tính khoa học là rất cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Quá trình nghiên cứu đã sử dụng các PP: PP phân tích và tổng hợp tài liệu, PP phỏng vấn, PP quan sát sư phạm, PP kiểm tra sư phạm, PP toán thống kê.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Thực trạng công tác KTĐG quả học tập môn Cầu lông cho SV Trường CĐTN

Thực trạng KTĐG kết quả học tập môn Cầu lông cho SV Trường CĐTN còn những hạn chế, cụ thể như sau:

- Nội dung KT chưa cân đối với nội dung học tập.
- Nội dung KT thể lực chiếm tỉ lệ ít.
- Ở các nội dung yêu cầu KT vẫn còn thiếu cân đối.
- Trong nội dung tiêu chuẩn KTĐG kết quả học tập còn thiếu tính chặt chẽ, tính khoa học và tính hiệu quả chưa cao.

Trước thực trạng như vậy, vấn đề đặt ra là phải xây dựng được kết quả KTĐG khách quan, khoa học, hợp lý.

2.2.2. Lựa chọn các nội dung kiểm tra

Nhóm tác giả đã tham khảo các tài liệu chuyên môn, xây dựng nội dung và tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập các môn TT tại các trường ĐH, CĐ. Bước đầu đề tài đề xuất 3 nội dung KT lý thuyết và 7 nội dung KT thực hành. Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn các chuyên gia, các nhà khoa học, GV bằng phiếu phỏng vấn, với kết quả đạt từ 80% trở lên nội dung đó sẽ được chọn. Từ kết quả phỏng vấn nghiên cứu đã chọn được 6 nội dung KT với tỉ lệ đồng ý (90% - 100%). Đó là các nội dung:

- Lý thuyết giai đoạn: Thi trắc nghiệm với bộ đề mỗi đề đều có 3 nội dung đã học.
- Thực hành giai đoạn: Di chuyển bước ngang sân đơn 10 lần (s), đánh cầu thấp tay 10 quả.
- Thực hành thi kết thúc: Phát cầu thấp tay 10 quả, đánh cầu cao sâu 10 quả, đập cầu đường thẳng 10 quả.

2.2.3. Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập môn Cầu lông cho SV Trường CĐTN

Nghiên cứu sử dụng công thức 2 xích ma cho nội dung di chuyển ngang sân đơn sau khi xác định được các chỉ số $\overline{X}$, δ, Cv và ε, các nội dung còn lại sử dụng cách thống kê số lần cầu vào ô quy định và phân loại chất lượng kỹ thuật theo 5 loại A, B, C, D, E. Kết quả thu được được thể hiện ở bảng 1.

Xây dựng bảng điểm đánh giá kết quả học tập môn Cầu lông cho SV Trường CĐTN.

+ Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập lý thuyết.

Dựa vào các kết quả xác định tỷ trọng của các nội dung đánh giá lý thuyết. Đồng thời căn cứ vào PP sử dụng để kiểm tra là PP dùng câu hỏi trắc nghiệm với mỗi phiếu 3 câu, mỗi câu có 10 đáp án. Kết quả thể hiện ở bảng 2.1.

Bảng 2.1. Kết quả xác định khoảng giá trị trung bình trong phân loại các nội dung kiểm tra thực hành.

Giới tính	Nội dung	Kết quả thống kê				
		Loại giỏi	Loại khá	Loại TB	Loại yếu	Loại kém
Nam	1. Đánh cầu thấp tay lần KT giữa kỳ	5-6A không có C trở xuống	3-4A không có D trở xuống	1-2 A không có loại E	3-5 B còn lại là C và D	5E trở lên
	2. Di chuyển ngang sân đơn (s)	<10,8	10,8-12,3	12,3-15,3	15,3-16,8	>16,8
	3. Phát cầu thấp tay khi kết thúc	6-7A không có C trở xuống	4-5 A không có D	2-3 A không có E	2-3 B còn lại C và D	5 E trở lên
	4. Đánh cầu cao sâu thi kết thúc	6-7 A không có C	4-5 A không có D trở xuống	2-3 A không có E	0-1 A còn lại là C và D	Tất cả đều là D và E
	5. Đập cầu đường thẳng thi kết thúc	tương tự trên	tương tự trên	tương tự trên	tương tự trên	tương tự trên
Nữ	1. Đánh cầu thấp tay lần KT giữa kỳ	5-6A không có C trở xuống	3-4A không có B trở xuống	1-2 A không có loại D trở xuống	3-5 B không có E	5E trở lên
	2. Di chuyển ngang sân đơn (s)	<11,4	11,4-13	13-16,2	16,2-17,8	>17,8
	3. Phát cầu thấp tay khi kết thúc	6-7A không có C	4-5 A không có D	2-3 A không có E	5 B không có E	5 E trở lên
	4. Đánh cầu cao sâu	5-6 A không có C trở xuống	3-4 A không có B trở xuống	1-2 A không có D trở xuống	3-5 B còn lại là C và D	5 E trở lên
	5. Đập cầu đường chéo đường thẳng	5-6 A không có C trở xuống	3-4 A không có B trở xuống	1-2 A không có D trở xuống	3-5 B không có E	5 E trở lên

Bảng 2.2: Đánh giá kết quả học tập lý thuyết môn Cầu lông của SV Trường CĐTN

Đạt điểm / Phần hỏi	10	9	8	7	6	5	4	3	2	1
Phần lịch sử và lợi ích, tác dụng môn Cầu lông	2,0	1,8	1,6	1,4	1,2	1,0	0,8	0,6	0,4	0,2
Phần nguyên lý kỹ thuật và luật thi đấu môn Cầu lông	4,0	3,6	3,2	2,8	2,4	2,0	1,6	1,2	0,8	0,4
Phần tổ chức thi đấu và PP trọng tài môn Cầu lông	4,0	3,6	3,2	2,8	2,4	2,0	1,6	1,2	0,8	0,4

+ Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập thực hành.

Đối với nội dung mang tính định lượng đề tài dựa vào thang độ C và quy tắc 2 xích ma. Riêng đối với các nội dung vừa mang tính định lượng vừa mang tính định tính thì đề tài dựa vào kết quả xác định khoảng giá trị trung bình phân loại chất lượng kỹ thuật của các thang điểm. Kết quả thể hiện ở bảng 2.3 và 2.4.

Bảng 2.3. Đánh kết quả học tập thực hành môn Cầu lông cho SV Trường CĐTN giữa giai đoạn.

Giới tính	Điểm tiêu chuẩn / Nội dung	10	9	8	7	6	5	4	3	2	1
Nam	1.Di chuyển ngang sân đơn (S)	10,05	10,8	11,55	12,3	13,05	13,8	14,55	15,3	16,05	16,8
	3.Đánh cầu thấp tay	6A không có C	5A không có C	4A có 1C	3A không có D	2A không có D	1A không có D	5B trở xuống	5C trở xuống	5D còn lại là E	7E trở lên
Nữ	1.Di chuyển ngang sân đơn (S)	10,6	11.4	12,2	13	13.8	14,6	15,4	16,2	17	17,8
	3.Đánh cầu thấp tay 10 quả	5A không C	4A không C	3A có 2C	2A không C	1A không C	5B còn lại dưới D	5C còn lại dưới C	5D còn lại dưới E	5D còn lại là E	Từ 7E trở lên

2.5. Kiểm định tính hiệu quả của các tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập môn Cầu lông cho SV Trường CĐTN

Nghiên cứu đã tiến hành sử dụng các nội dung KT kết thúc môn để KT xếp hạng, đồng thời tiến hành thi đấu vòng tròn để xếp loại nhằm kiểm định tính nhất trí giữa xếp hạng điểm các nội dung KT với xếp hạng thi đấu.

KT được tiến hành theo 2 quy trình sau:

- Quy trình thuận: Là KT các nội dung đánh giá kết quả trước, KT thành tích xếp hạng thi đấu vòng tròn một lượt sau.

- Quy trình ngược: Là KT thành tích xếp hạng thi đấu vòng tròn một lượt trước, KT các nội dung đánh giá kết quả sau.

Kết quả thu được ở cả nam và nữ, sự khác biệt thứ hạng chỉ xảy ra trong quy trình nghịch, đó là sự thay đổi thứ tự xếp hạng ở nam 1 người và nữ 1 người.

Còn lại tất cả thứ tự xếp hạng không thay đổi. Cả hai quy trình kiểm tra thuận và nghịch đều cho kết quả tương tự nhau. Điều đó có nghĩa là, các nội dung và tiêu chuẩn kiểm tra đánh giá kết quả học tập thực hành môn Cầu lông cho SV Trường CĐTN đã đảm bảo độ tin cậy.

Bảng 2.4: Tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập thực hành môn Cầu lông cho SV Trường CĐTN thi kết thúc môn học

Giới tính	Điểm tiêu chuẩn / Nội dung	10	9	8	7	9	5	4	3	2	1
Nam	1. Phát cầu thấp tay 10 quả	7A không có C	6A không có C	5A có 1C	4A không có D	3A không có D	5B không có D	5C không có D	5C không có E	5D còn lại là E	Từ 6E trở lên
	2. Đánh cầu cao sâu 10 quả	6A không có C	5A không có C	4A có 1C	3A không có D	2A không có D	1A không có D	5B không có D	5C không có E	5D còn lại E	Từ 6 E trở lên
	3 Đập cầu đường thẳng 10 quả	6A không có C	5A không có C	4A có 1C	3A không có D	2A không có D	1A không có D	5B không có D	5C không có E	5D còn lại E	Từ 6 E trở lên
Nữ	1. Phát cầu thấp tay 10 quả	6A không có C	5A không có C	4A có 1C	3A không có D	2A không có D	1A không có D	5B không có D	5C không có E	5D không có E	Từ 6E trở lên
	2. Đánh cầu cao sâu 10 quả	5A không có C	4A không có C	3A không có C	2A không có D	1A không có D	5B không có D	5C không có D	5C không có E	5D không có E	Từ 6E trở lên
	3. Đập cầu đường chéo đường thẳng 10 quả	5A không có C	4A không có C	3A không có C	2A không có D	1A không có D	5B không có D	5C không có D	5C không có E	5D không có E	Từ 6E trở lên

3. Kết luận

Nghiên cứu đã lựa chọn được các nội dung KTĐG kết quả học tập môn Cầu lông cho SV:

Về lý thuyết: Thi trắc nghiệm 3 nội dung đã học, mỗi nội dung 10 câu hỏi có tỷ lệ % điểm của các phần là: Lịch sử và lợi ích tác dụng môn Cầu lông (20%); Nguyên lý kỹ thuật và luật thi đấu (40%); Tổ chức thi đấu và PP trọng tài (40%).

Về thực hành: Nội dung thực hành KT giai đoạn gồm: Di chuyển ngang sân 10 lần (50%); Đánh cầu thấp tay 10 quả (50%).

+ Nội dung thực hành thi kết thúc môn gồm: Phát cầu thẳng tay 10 quả (30%); Đánh cầu cao sâu 10 quả (30%); Đập cầu 10 quả (40%).

- Nghiên cứu đã xây dựng bảng điểm tiêu chuẩn cho từng nội dung.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Bửu, Nguyễn Thế Truyền (1989), *Lý luận và phương pháp thể thao trẻ.* NXB TDTT, TP Hồ Chí Minh.

2. Dương Nghiệp Chí (1991), *Đo lường thể thao,* NXB TDTT. Hà Nội

3. Bành Mỹ Lệ, Hậu Chính Khanh (2000), *Cầu lông*, (Lê Đức Chương dịch), NXB TDTT. Hà Nội

Dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào... *(tiếp theo trang 50)*

4. Kết luận

Tiếp cận dựa vào nhiệm vụ đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực tiếng Anh của SV tại các trường đại học. Với những đòi hỏi ngày càng cao của thị trường lao động, việc trang bị vốn tiếng Anh thông qua hình thức dạy học này sẽ giúp các SV dễ dàng tìm kiếm các cơ hội việc làm trong tương lai. Tuy nhiên, để triển khai dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ một cách hiệu quả thì việc xác định vai trò của GV và SV rất là quan trọng. Hơn thế nữa, thông qua quy trình tổ chức dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ sẽ giúp các GV và SV tham gia một cách có hiệu quả hơn trong các giờ học tiếng Anh tại các trường đại học hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Branden, K. V. D. (2006). *Task-based language education.* Cambridge: Cambridge University Press.

2. Dave, W. & Willis, J. (2007). *Doing task-based teaching.* Oxford: Oxford University Press.

3. Demir, A. (2008). The influence of task-based reading activities on EFL learners' attitude and learning outcomes from the students' perspective. (Unpublished master's thesis). Adana, Turkey: Cukurova University.

4. Ellis, R. (2003). *Task-based language learning and teaching*. Oxford: Oxford University Press.

5. Huong Thi Lam Lam, Son Van Nguyen & Hong Anh Thi Nguyen (2021). University lecturers' task-based language teaching beliefs and practices. *Education Sciences, 11*(11), 1-18.

6. Maulana, M. I. (2021). Task-based language teaching: Potential benefits and possible criticisms in Indonesian Contexts. Journal of English Teaching and Learning Issues, 4(2), 69-98.

7. McAllister, J. (2012). Language teachers' perceptions of a task-based learning program in a French University. In A. Shehadeh & C. A. Coombe (Eds.), *Task-based language teaching in foreign language contexts: Research and implementation* (pp. 314-342). Amsterdam, Netherlands: Benjamins.